

# TRAO QUYỀN CHO PHỤ NỮ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN\*

**Tóm tắt:** Trao quyền cho phụ nữ, nâng cao vị thế của phụ nữ trong xã hội là một biện pháp thúc đẩy tiến trình các quốc gia đạt tới mục tiêu phát triển bền vững về xã hội. Việt Nam là một trong các nước luôn quan tâm đến vấn đề trao quyền cho phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trong quá trình phát triển bền vững đất nước. Từ việc phân tích các lý thuyết giới và nữ quyền, bài viết sẽ chỉ ra những tác động thúc đẩy của việc trao quyền cho phụ nữ đối với mục tiêu phát triển bền vững về xã hội. Qua đó, đề xuất các giải pháp, góp phần thực hiện tốt việc trao quyền cho phụ nữ, nâng cao địa vị, vai trò của phụ nữ nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững xã hội ở Việt Nam hiện tại và tương lai.

**Từ khóa:** Giới, trao quyền cho phụ nữ, bình đẳng giới, phát triển bền vững.

**Abstract:** Empowering women to improve the status of women in society pose as a measure to push the progress of countries towards the goal of socially sustainable development. Vietnam is one of the countries that always pay much attention to women's empowerment and gender equality in the process of sustainable development of the country. Based on the analysis of theories of gender and feminism, the article shows the motivating impacts of women's empowerment on socially sustainable development goals. Thereby, solutions are suggested in order to make a contribution to the good implementation of women's empowerment, improve the status and roles of women towards the goal socially sustainable development in Vietnam both now and in the future.

**Key words:** Gender, empowering women, gender equality, sustainable development.

## 1. Đặt vấn đề

Thực tiễn phát triển ở nhiều quốc gia đã chứng minh trao quyền cho phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới là chìa khóa thúc đẩy sự phát triển bền vững và tiến bộ của xã hội. Kể từ sau Cương lĩnh hành động Bắc Kinh (1995), trao quyền cho phụ nữ lãnh đạo và quản lý xã hội trở thành một giải pháp quan trọng và cấp thiết hướng tới các mục tiêu phát triển xã hội. Trong Chương trình Nghị sự Phát triển Bền vững đến năm 2030, trao quyền cho phụ nữ được công nhận là một phương tiện quan trọng, thúc đẩy phát triển bền vững thông qua các

\* Đại học Ngoại Thương Hà Nội

mục tiêu phát triển bền vững (SDG5) trong đó có mục tiêu trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái toàn cầu (SDG5).

Tại Việt Nam, hệ thống các quan điểm, chủ trương, chiến lược của Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh đến việc phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị của phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Sự tham gia của phụ nữ trong quá trình ra quyết định sẽ đảm bảo tốt hơn tính bao trùm, toàn diện của chính sách xã hội, với các vấn đề được ưu tiên khác với lãnh đạo nam. Trao quyền cho phụ nữ, đảm bảo bình đẳng giới về thực chất sẽ giúp giải quyết tốt hơn nhiều vấn đề xã hội mà Việt Nam và các quốc gia vẫn phải đối mặt như bất bình đẳng xã hội, giáo dục, y tế, dịch bệnh, nghèo đói, thiếu việc làm... Song, bước tiến về trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam và trên thế giới vẫn chậm chạp do khó khăn trong việc tìm ra một sự đồng thuận đa phương. Điều này sẽ gây cản trở cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững xã hội một cách toàn diện.

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: việc thực hiện trao quyền cho phụ nữ sẽ tác động như thế nào đến thực hiện mục tiêu phát triển bền vững xã hội ở Việt Nam? Có tồn tại những rào cản gì trong việc trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay? Việc phân tích các rào cản này là rất cần thiết khi Việt Nam là một trong số các quốc gia được đánh giá luôn đi đầu trong tham gia ký kết và thực hiện các công ước quốc tế về quyền phụ nữ. Trả lời hai câu hỏi trên, bài viết sẽ đưa ra các đánh giá về tác động của việc trao quyền cho phụ nữ đối với mục tiêu phát triển bền vững về xã hội. Đồng thời, phân tích các nguyên nhân/rào cản ảnh hưởng tới việc trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, trao đổi, đề xuất các giải pháp cho vấn đề.

## **2. Khái niệm và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Khái niệm**

*Khái niệm Giới, Bình đẳng giới, Trao quyền cho phụ nữ*

*Giới:* Theo Khoản 1, Điều 5, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Giới là thuật ngữ được sử dụng để “chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội”. “Giới là nói đến mối quan hệ giữa nam và nữ ở phương diện sinh học - văn hóa - xã hội” (Võ Thị Mai, 2013). Các đặc điểm giới là đặc điểm xã hội của nam và nữ với những kiểu hành vi riêng, trách nhiệm và quyền lợi riêng tùy thuộc vào sự tác động của các yếu tố xã hội.

*Bình đẳng giới* là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó (Khoản 3, Điều 5 luật BĐG, 2006). Như thế bình đẳng giới là nam và nữ ngang bằng nhau trong tất cả các hoạt động xã hội, quan hệ xã hội, trên các phương diện cơ bản như: quyền con người, quyền công dân, cơ hội phát triển...

*Trao quyền cho phụ nữ:*

“Trao quyền cho phụ nữ” là tư tưởng chủ đạo của cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ, được đề cập đến trong các quan điểm tiến bộ từ cuối thế kỷ XX. Trao quyền cho phụ nữ không chỉ là nâng cao quyền năng và tiếng nói của phụ nữ với tư cách là một nửa nhân loại mà còn nâng cao quyền năng của phụ nữ trong xã hội để xây dựng một xã hội văn minh và nhân đạo. Có thể hiểu, ý nghĩa bản chất tích cực của trao quyền cho phụ nữ là tạo cơ hội bình đẳng và công bằng cho phụ nữ về các quyền cơ bản, tiếng nói và quyền lực để họ tham gia đầy đủ vào tất cả các lĩnh vực và ở tất cả các cấp độ của hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và gia đình nhằm xây dựng xã hội công bằng, phát triển bền vững (Lê Thị Quý, 2020).

Theo quan điểm của UN Women, trao quyền cho phụ nữ là tăng quyền năng cho nữ giới, tức là nữ giới có thể kiểm soát cuộc sống của họ; lập thời khóa biểu của chính họ, học các kỹ năng, kiến thức, tăng sự tự tin, giải quyết các vấn đề và phát triển khả năng tự chủ. Đây là một quá trình và cũng là một kết quả được thực hiện theo các nguyên tắc nhất định. Những nguyên tắc đó là: 1- Lãnh đạo thúc đẩy bình đẳng giới; 2- Bình đẳng cơ hội đảm bảo sự tham gia và không phân biệt đối xử; 3- Sức khỏe, an toàn và không bạo lực; 4- Giáo dục và đào tạo; 5- Các hoạt động phát triển doanh nghiệp và chuỗi cung ứng, marketing; 6- Sự tham gia và lãnh đạo của cộng đồng; 7- Tính minh bạch, đánh giá và báo cáo (UN Women & UN Global Compact, 2014, tr.13). Những nguyên tắc trên đòi hỏi phải được các quốc gia nhận thức, đánh giá, truyền tải nghiêm túc. Trong đó, quan trọng nhất là tạo điều kiện để phụ nữ tham gia lãnh đạo và quản lý xã hội ở tất cả các cấp độ.

Để thúc đẩy bình đẳng giới cần đẩy mạnh trao quyền cho phụ nữ cũng như nâng cao khả năng tham gia của phụ nữ vào quá trình phát triển bền vững tại mỗi quốc gia. Đây là khẳng định được đưa ra tại Hội nghị nữ nghị sĩ trong khuôn khổ Diễn đàn nghị viện Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 26 (năm 2019) tại Việt Nam.

*Khái niệm phát triển bền vững, phát triển bền vững về xã hội*

Xét về mặt lịch sử, khái niệm *phát triển bền vững* được Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (WCED) chính thức sử dụng trong báo cáo có tựa đề *Tương lai của chúng ta* (Báo cáo Brundtland) năm 1987. Xét về mặt nội dung, phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển không chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế, mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái.

Nội hàm về phát triển bền vững được tái khẳng định ở Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) năm 2002: Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc

phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Cho đến nay, khái niệm này được hiểu theo nghĩa bao quát và rõ hơn: phát triển bền vững là một sự phát triển bảo đảm tăng trưởng kinh tế trên cơ sở sử dụng một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên kết hợp với bảo vệ môi trường sống nhằm vừa có thể thoả mãn được nhu cầu của thế hệ hôm nay, vừa không làm ảnh hưởng đến điều kiện thoả mãn nhu cầu và môi trường sống của các thế hệ mai sau. Thực chất của sự phát triển bền vững là giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo đảm sự công bằng giữa các thế hệ trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nói cách khác, phát triển bền vững là sự phát triển trong đó bảo đảm kết hợp hài hoà giữa mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu bảo vệ môi trường (Hoàng Đình Cúc, 2009).

Phát triển bền vững về xã hội được đánh giá bằng các tiêu chí, như HDI, hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội, bình đẳng giới; chênh lệch giàu nghèo không quá cao và có xu hướng giảm lại; chênh lệch đời sống giữa các vùng miền không lớn (Phạm Thị Thanh Bình, 2019). Có thể nói công bằng xã hội và phát triển con người là những tiêu chí quan trọng về phát triển bền vững xã hội. Phát triển bền vững về xã hội chú trọng vào sự công bằng và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả mọi người cơ hội phát triển tiềm năng bản thân.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích, tổng hợp tài liệu, bao gồm phân tích, hệ thống hóa các quan điểm của Đảng và Nhà nước, các lý thuyết nghiên cứu về giới và nữ quyền. Đồng thời, bài viết kế thừa các quan điểm của các công trình nghiên cứu trước đó liên quan đến vấn đề trao quyền cho phụ nữ và phát triển bền vững.

Bài viết sử dụng các số liệu thứ cấp được lấy từ các nguồn tin cậy như các báo cáo của Chính phủ Việt Nam, của Diễn đàn kinh tế thế giới WEF, của UN Women cũng như số liệu đã được công bố trong các tài liệu nghiên cứu có liên quan.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Tiếp cận lý thuyết Giới về vai trò lãnh đạo và quản lý phát triển xã hội của nữ giới trong phát triển bền vững hiện nay**

Quan điểm của Thuyết nữ quyền tự do cho rằng mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng và không nên từ chối cơ hội bình đẳng vì giới tính. Với lý thuyết này, tác giả John Stuart Mill (1806 - 1873) cho rằng phụ nữ có thể làm việc cùng nhau trong một hệ thống đa nguyên và huy động các thành phần khác nhau để tạo ra hiệu quả quản lý xã hội tích cực.

Quan điểm của các nhà Nữ quyền Marxist (Marxist Feminism) cho rằng tất cả mọi người đều không đạt được sự bình đẳng, đặc biệt là phụ nữ, khi mà của cải được tạo ra do số

đồng nhưng quyền lực lại nằm trong tay thiểu số đầy quyền lực (Đỗ Thị Thạch, 2016, tr.48). Cũng theo lý thuyết này, phụ nữ cần được đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về vật chất để có thể được thực hiện sự sáng tạo và phát huy tài năng của bản thân. Bên cạnh đó, việc trao quyền cho phụ nữ sẽ góp phần tạo ra khối lượng của cải vật chất lớn hơn rất nhiều cho xã hội.

Theo cách tiếp cận Lý thuyết về Giới, cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, một số nước đang phát triển đã đưa ra quan điểm *Phụ nữ trong phát triển (WID)* khi xây dựng chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm này đòi hỏi phải thu hút sự tham gia đầy đủ của phụ nữ vào quá trình phát triển với tư cách là người hưởng thụ và thực hiện các mục tiêu phát triển. Những năm 1990, quan điểm này nhấn mạnh sự công bằng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ để đạt đến bình đẳng giới. Quan điểm này đòi hỏi xem xét vấn đề giới với sự tham gia của cả nam và nữ trên tất cả phương diện từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục đến chăm sóc sức khỏe con người.

Quan điểm lồng ghép giới: xuất hiện cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, với nghĩa đưa vấn đề giới vào dòng chảy của tất cả các lĩnh vực như luật pháp, chính sách, khoa học, giáo dục, kinh tế để tiến tới bình đẳng giới một cách toàn diện. Đồng thời đã xuất hiện vấn đề tiếp cận giới nhấn mạnh vào quyền con người của cả nam giới và nữ giới. Từ quan điểm này đã hình thành cả một chiến lược đưa vấn đề giới trở thành xu thế chủ đạo của sự phát triển. Hay có thể gọi một cách dễ hiểu là Lồng ghép giới (Đỗ Thị Thạch, 2016, tr.48).

Từ các xu hướng lý thuyết đó, năm 1995, Hội nghị Thế giới lần thứ IV về Phụ nữ đã được Liên Hợp Quốc tổ chức. Trong Hội nghị, các quốc gia đã nhất trí thông qua *Cương lĩnh hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000* nhằm thúc đẩy sự tiến bộ và tăng cường quyền lực cho phụ nữ trên toàn thế giới - gọi tắt là Cương lĩnh hành động Bắc Kinh.

Tầm quan trọng của lãnh đạo nữ trong các vị trí lãnh đạo, quản lý đối với sự phát triển xã hội cũng được đưa ra ở các lý luận hiện đại. Nghiên cứu về quan niệm đại diện chính thức và đại diện mô tả (Lương Thu Hiền, 2018) cho thấy thúc đẩy sự tham gia lãnh đạo quản lý của phụ nữ trong hệ thống chính trị sẽ góp phần đảm bảo tính toàn diện và tính bao trùm của chính sách công và nâng cao chất lượng của chính sách. Đồng thời phụ nữ mang đến những kiến thức mới, xác định các vấn đề mới trong chính sách khác với lãnh đạo nam. Ví dụ như vấn đề bất bình đẳng về chủng tộc, giới tính, dịch vụ chăm sóc trẻ em, lương hưu, xóa đói giảm nghèo trên khía cạnh giới... Nghiên cứu chỉ ra rằng lãnh đạo nữ có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề công bằng xã hội. Cùng với đó, có thể kể đến lý luận về tăng cường số lượng phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý chính thức dựa trên quan niệm đại diện thực chất - tức là người đại diện phát triển, thúc đẩy các chính sách phục vụ lợi ích của người được đại diện. Quan niệm này nói rằng lãnh đạo nữ ưu tiên phát triển giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường và những thành tố quan trọng khác đóng góp cho phát triển bền vững (Lương Thu Hiền, 2018, tr.63).

Theo tiến trình phát triển của xã hội, các lý thuyết giới và nữ quyền ngày càng hoàn thiện. Các lý thuyết trên đều đề cập đến vị thế, vai trò của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý



phát triển xã hội hiện đại; đòi hỏi nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ cũng như tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển và tham gia lãnh đạo, quản lý chính là điều mà các quốc gia cần quan tâm hướng tới trong xu thế phát triển bền vững hiện nay.

### **3.2. Nhận thức về quan hệ giữa trao quyền cho phụ nữ và phát triển bền vững về xã hội ở Việt Nam**

Các lý thuyết nữ quyền hiện đang được nhiều quốc gia áp dụng nhằm tăng quyền năng cho phụ nữ hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng. Phương pháp tiếp cận giới và phát triển (GAD) đã đưa lý luận nữ quyền tiến thêm một bước đáng kể, từ việc cần thiết phải đưa phụ nữ vào quá trình phát triển đến chỗ xem họ như là tác nhân của sự thay đổi, sự phát triển. Phương pháp tiếp cận GAD nhấn mạnh sự cần thiết phải thúc đẩy vai trò giới, quyền hợp pháp của con người, đáp ứng nhu cầu giới (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, 2017).

Trong các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (SDG5) vừa là mục tiêu, vừa là một phần của giải pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững khác, là một yếu tố góp phần vào sự thịnh vượng của xã hội (UN Women, 2016). Bình đẳng giới đồng thời là yếu tố nâng cao khả năng tham gia đóng góp của phụ nữ vào quá trình phát triển bền vững của quốc gia.

Theo quan điểm của tác giả Vũ Tuấn Huy, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ý tưởng về sự phát triển và công bằng xã hội ngày càng gắn kết trong hành động thực tiễn đưa đến sự thay đổi trong tương quan của các yếu tố của sự phát triển. Trong các mục tiêu và giải pháp nhằm phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội trong đó có bình đẳng giới và nâng cao địa vị phụ nữ đồng thời là mục tiêu và điều kiện để đạt được phát triển bền vững. Khi đánh giá sự phát triển từ lăng kính giới, phát triển bền vững đòi hỏi sự tham gia đầy đủ và bình đẳng của phụ nữ ở các cấp độ. Khi phụ nữ có nhiều vai trò hơn trong sản xuất và quyền quyết định, sự phát triển sẽ nhanh hơn và hướng đến bền vững hơn về kinh tế, xã hội và môi trường (dẫn theo Bùi Thế Cường, 2012, tr.82).

Ở Việt Nam hiện nay, phát triển bền vững được coi là định hướng chiến lược trong phát triển kinh tế, xã hội ở mọi cấp độ quốc gia, vùng miền và địa phương. Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020*, Việt Nam đã xác định việc thực hiện tốt bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm cân bằng giới tính hợp lý là một nội dung trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (Chính Phủ, 2020). Bên cạnh đó, *Chiến lược quốc gia về bình đẳng Giới giai đoạn 2011 - 2020* đã xác định: mục tiêu tổng quát của chiến lược là đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011- 2020 về xã hội được cụ thể hóa bằng các tiêu chí: tập trung đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững; tạo việc làm bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội;

hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ; ổn định quy mô, cải thiện và nâng cao chất lượng dân số; phát triển văn hoá hài hoà với phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam; phát triển bền vững các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Quan điểm chỉ đạo cơ bản được đưa ra tại Đại hội XIII (2021) của Đảng xác định Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.33). Một trong các nhiệm vụ được Đại hội XIII đưa ra là phấn đấu sớm hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc vì sự phát triển bền vững, thực hiện đồng bộ các giải pháp thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Giảm dần khoảng cách giới trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.264, 271).

Như vậy, trong hệ thống quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, để đạt được các tiêu chí về bền vững xã hội, một điều kiện quan trọng là phát huy vai trò của nữ giới, trao quyền và tạo điều kiện cho phụ nữ để họ tham gia đầy đủ vào đời sống kinh tế - xã hội nhằm: xây dựng nền kinh tế vững mạnh, thiết lập xã hội bền vững hơn và công bằng hơn, đạt được các mục tiêu phát triển theo cam kết quốc tế, đạt được sự bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống cho phụ nữ, nam giới, các gia đình và cộng đồng; đồng thời thúc đẩy hoạt động và mục tiêu của các doanh nghiệp và đạt bình đẳng giới. Bình đẳng giới không chỉ dẫn đến tăng trưởng kinh tế mà còn khuyến khích cho sự đạt được các mục tiêu phát triển xã hội. Theo quan điểm của Hemmati và Gardiner (2002), “rõ ràng là không thích hợp khi các định các vấn đề, xây dựng các chiến lược và thực hiện các giải pháp nếu như chỉ có một nửa số người quan tâm và tham gia” (dẫn theo Bùi Thế Cường, 2012, tr.82).

Trao quyền cho phụ nữ nhằm đạt được bình đẳng giới là một mục tiêu quan trọng mà Việt Nam cũng như các nước trên thế giới đều hướng đến. Bình đẳng giới vừa là mục tiêu của sự phát triển, vừa là yếu tố nâng cao khả năng tham gia đóng góp của phụ nữ vào quá trình phát triển bền vững của quốc gia. Báo cáo Chính phủ về *Thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011 - 2020* cũng xác định những nhiệm vụ về bình đẳng giới: Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ; tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ; nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các luật pháp, chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào cấp uỷ và bộ máy quản lý nhà nước. Qua đó, có thể thấy tầm quan trọng của vấn đề bình đẳng giới cũng như vai trò của việc thực hiện bình đẳng giới đối với yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Chính phủ, 2020).

Trao quyền cho phụ nữ cần thực hiện trên mọi phương diện của đời sống xã hội. Với trình độ ngày càng được nâng cao và khát vọng làm việc, cống hiến cũng như để khẳng định mình, phụ nữ ngày càng thành công trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học công

nghệ, văn hóa xã hội và gia đình. Sự thành công của phụ nữ ngày càng khẳng định vai trò to lớn của họ đối với sự phát triển của quốc gia.

### 3.3. Thực trạng trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam

Ở Việt Nam những năm gần đây, việc trao quyền cho phụ nữ đã đạt được các kết quả đáng kể. Chỉ riêng trong các văn bản chỉ đạo của Trung ương và các cấp ủy địa phương, ngành, luôn đưa ra quy định về tỷ lệ “không dưới” và tinh thần “nhất thiết có” thành phần phụ nữ trong mỗi tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Đặc biệt, Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị đã cụ thể những mục tiêu cho bình đẳng giới trong chính trị như: Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy các cấp đạt 25% trở lên, nữ đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đạt 35-40%. Các cơ quan đơn vị có tỷ lệ nữ 30% trở lên nhất thiết phải có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới. Cần bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước đạt từ 30% trở lên.

Việc trao quyền cho phụ nữ thể hiện trước hết ở trao quyền cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Trao quyền năng chính trị là thước đo quan trọng và cao nhất về mức độ bình đẳng giới, vừa thể hiện mức tiến bộ của phụ nữ trong xã hội trong tương quan với nam giới, vừa là phương tiện hiệu quả đảm bảo cho sự tiến bộ một cách liên tục. Khả năng tham gia chính trị của phụ nữ làm thay đổi quy trình xác định những ưu tiên cho chính sách công và giúp chính phủ có cách nhìn công bằng và bao trùm hơn trong quy trình chính sách có tính đến yếu tố giới. Kết quả thực tế cho thấy, ở Việt Nam, phụ nữ tham gia trong các cơ quan trong hệ thống chính trị có xu hướng tăng.

Bảng 1: Tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp theo nhiệm kỳ (%)

Ban chấp hành các cấp	2001 - 2005	2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2021
Trung ương	8,6	7,18	8,0	8,5
Tỉnh	11,32	11,75	11,37	13,27
Huyện	12,89	14,70	15,01	17,2
Xã	11,88	15,08	18,01	21,5

(Nguồn: Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2017)

Tỷ lệ trên đến nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021) có sự tăng nhẹ lên 10% nữ Ủy viên Trung ương Đảng và 9/63 tỉnh thành có nữ bí thư. Đây là con số cao nhất trong các nhiệm kỳ từ trước đến nay, đạt 14,28%.

Sự tham gia của nữ giới trong Quốc hội tăng qua các khóa: theo kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội Việt Nam khoá XIV, nữ chiếm 26,72% trong tổng số đại biểu. Điều này đã đưa Việt Nam vào nhóm các nước có tỷ lệ nữ đại biểu trong cơ quan lập pháp cao nhất châu Á cũng như trên thế giới, đạt trên 25% (Chính phủ, 2020).



Chất lượng phụ nữ tham gia trong lĩnh vực chính trị cũng được tăng lên về trình độ và năng lực quản lý. Nhiều phụ nữ đã trở thành các nhà lãnh đạo, quản lý, nắm giữ những vị trí chủ chốt tại các cơ quan, tổ chức và nhiều người trong số họ đã trở thành những nhà lãnh đạo xuất sắc. Kết quả đó phản ánh sự nhận thức, quyết tâm thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhà nước về công tác cán bộ nữ, trao quyền cho phụ nữ trong chính trị. Qua đó, tăng quyền cho phụ nữ trong quá trình ra quyết định để hướng các chủ trương, chính sách đạt tới mục tiêu phát triển bền vững xã hội.

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam còn những hạn chế. Khoảng cách giới vẫn tồn tại và phần lớn nghiêng về phía nữ giới. Tổng hợp các Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) những năm gần đây, Việt Nam đã có nỗ lực trong thu hẹp khoảng cách giới song vẫn chưa đạt được thứ hạng cao. Năm 2016, Việt Nam xếp thứ 65/144 quốc gia xếp hạng, thứ 7 tại khu vực Châu Á về thu hẹp khoảng cách giới. Năm 2018 Việt Nam xếp ở vị trí thứ 77/149 quốc gia về chỉ số khoảng cách giới. Tuy nhiên, năm 2019, 2020 và theo số liệu mới nhất 2021 của WEF, Việt Nam xuống thứ hạng 87/156 quốc gia. Như vậy, nỗ lực trao quyền cho phụ nữ, thực hiện thu hẹp khoảng cách giới của Việt Nam ba năm gần đây không được cải thiện dù có sự tăng cường công tác bình đẳng giới trên các lĩnh vực. Điều này cũng là thực tế tồn tại ở nhiều quốc gia trên thế giới. Theo Báo cáo Khoảng cách giới toàn cầu 2020 (Global Gender Gap Report), WEF chỉ có 55% phụ nữ từ 15-64 tuổi tham gia vào lực lượng lao động trong khi nam giới chiếm đến 78% và đặc biệt, ở vị trí lãnh đạo cấp cao trên toàn cầu, phụ nữ chiếm ít hơn một phần ba (khoảng 29%). Qua phân tích của WEF, thế giới cần đến 257 năm để có thể hoàn toàn loại bỏ sự chênh lệch về mặt kinh tế giữa hai giới, con số này tăng lên 267,6 năm theo cáo cáo của WEF năm 2021. Cũng theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu 2021, WEF chỉ ra trong việc trao quyền năng chính trị cho phụ nữ, cần đến 145.5 năm để thế giới đạt được bình đẳng giới trong chính trị (WEF, 2021).

Kết quả thực hiện trao quyền cho phụ nữ trong chính trị, trong tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo không đạt chỉ tiêu và có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý chủ yếu ở cấp phó, còn tồn tại những bất cập trong công tác cán bộ nữ, trong việc đảm bảo tỷ lệ nữ đề ra. Quyền quyết định của phụ nữ ngoài xã hội và trong gia đình cũng chưa đạt được tiếng nói bình đẳng với nam giới. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến các quyết định về kinh tế, đầu tư cho giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe... đối với các thành viên trong gia đình, gây cản trở cho sự phát triển bền vững gia đình và địa phương.

Trong lĩnh vực lao động và việc làm, khoảng cách giới vẫn còn sự chênh lệch khá xa giữa nam và nữ về cơ hội, về sử dụng nguồn nhân lực và hưởng thụ các chính sách đãi ngộ. Những khác biệt không chỉ là sự chênh lệch số lượng phụ nữ và nam giới có việc làm, mà còn liên quan đến các hình thức phân biệt nghề nghiệp và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới. Bất bình đẳng giới trong thu nhập là một trong những nguyên nhân gây ra nghèo đói. Tình trạng nghèo đói, tình trạng suy dinh dưỡng, bệnh tật và những nỗi khổ cực khác chính là sự trả giá của những xã hội có sự bất bình đẳng giới lớn và kéo dài. Điều này sẽ ảnh hưởng tới mục tiêu phát triển bền vững xã hội.

### 3.4. Những rào cản đối với việc thực hiện bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và hàm ý chính sách

Rào cản cho việc thực hiện trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam đến từ nhiều phía. Trước hết, rào cản từ nhận thức, quan niệm truyền thống, định kiến giới luôn đánh giá thấp vai trò, khả năng, năng lực lãnh đạo, ra quyết định của phụ nữ so với nam giới. Cùng với đó, về cơ chế, chính sách, kinh phí đầu tư cho công tác bình đẳng giới vẫn còn bất cập, không đáp ứng được yêu cầu thực tế trên phạm vi toàn quốc. Việc lồng ghép vấn đề giới trong các chính sách chưa thực sự hiệu quả và chưa được coi là một nhiệm vụ của những người ra quyết định. Nhận thức về tầm quan trọng của việc trao quyền cho phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới với phát triển bền vững xã hội chưa được nhận thức sâu rộng và rõ ràng trong mọi cấp, ngành và trong từng bước thể chế và chính sách.

Cùng với đó, những thách thức đối với phụ nữ trong lãnh đạo và quản lý luôn tồn tại. Các nhà chính trị học, xã hội học và các lý thuyết nữ quyền đều có chung luận điểm lý giải sự thiếu vắng của phụ nữ trong tham gia lãnh đạo, đó là họ gặp nhiều rào cản từ khung khổ chính sách của mỗi quốc gia; bối cảnh phát triển kinh tế xã hội; khuôn mẫu vai trò giới, mong đợi của cộng đồng và thách thức của những tập tục văn hóa truyền thống... Mỗi cách tiếp cận cho chúng ta nhìn thấy rõ hơn địa vị và sự nỗ lực của phụ nữ đồng hành cùng quá trình vươn tới các vị trí lãnh đạo.

Bên cạnh đó, những yêu cầu cao hơn về trình độ đào tạo, kiến thức, năng lực... đến từ sự thay đổi của thế giới việc làm, trong khi chức năng làm mẹ, chăm sóc con cái và gia đình vẫn luôn được cho là trách nhiệm chủ yếu của phụ nữ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự tham gia và chất lượng công việc của phụ nữ. Bản thân phụ nữ chưa ý thức đầy đủ về vị trí, vai trò của mình trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội... Những nguyên nhân kể trên khiến cho vấn đề trao quyền cho phụ nữ nhằm hướng tới phát triển bền vững khó đạt được kết quả cao trong thực tiễn.

*Hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ hướng tới phát triển bền vững*

Trong thời gian tới, để tăng quyền năng cho nữ giới, thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, hướng tới phát triển bền vững, các cấp lãnh đạo, quản lý nên tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đặc biệt là *giải pháp từ khung thể chế, chính sách* sau đây:

Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền nhất là phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, địa phương toàn hệ thống chính trị trong nhận thức về năng lực lãnh đạo, quản lý của nữ giới. Các cấp lãnh đạo cần thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; bố trí, phân công công tác đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định về bình đẳng giới. Cần phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu khi các chỉ tiêu về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ tại các cơ quan, đơn vị và địa phương không đạt. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, bổ sung, sửa đổi những vấn đề liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và đẩy mạnh việc huy động nguồn lực trong nước và quốc tế cho việc trao quyền cho phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới. lồng ghép vấn đề giới trong các mục tiêu phát triển bền vững ở từng nhóm mục tiêu. Qua đó có thể thúc đẩy phát triển bền vững ở các lĩnh vực khác.

Chính phủ triển khai xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án tập trung giải quyết một số vấn đề lớn với nữ giới, như: việc làm, lao động sau tuổi 35 tại các doanh nghiệp, vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, xâm hại trẻ em gái, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, vấn đề phát triển cán bộ nữ dân tộc thiểu số, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... Nghiên cứu, phát triển các mô hình tư vấn, hỗ trợ phụ nữ, trong đó tập trung tăng cường cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ. Tiếp tục nghiên cứu, củng cố và phát triển các dịch vụ bảo vệ phụ nữ và trẻ em khi bị bạo hành, bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo hành, xâm hại.

Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ. Quan tâm hơn nữa công tác đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ nữ cán bộ tiềm năng và cán bộ làm tham mưu công tác bình đẳng giới. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Ban hành các chính sách, thể chế về chính trị, kinh tế và thể chế xã hội nhằm tạo điều kiện và khuyến khích phụ nữ tự tin, trau dồi, nâng cao trình độ và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, góp phần nâng cao quyền năng của phụ nữ nói chung và tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, các cơ quan dân cử nói riêng; đặc biệt đối với nữ lãnh đạo trẻ, nữ cán bộ dân tộc thiểu số.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về tăng quyền năng cho nữ giới. Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, các mô hình về bình đẳng giới phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Việc truyền thông mạnh mẽ và có những sáng kiến trong truyền thông sẽ định hướng dư luận xã hội ủng hộ việc trao quyền lãnh đạo cho phụ nữ. Qua đó, phụ nữ có cơ hội nhiều hơn tham gia vào quá trình ra quyết định trên mọi lĩnh vực. Điều đó sẽ đưa Việt Nam đi gần hơn đến các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

#### 4. Kết luận

Thúc đẩy bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ là một trong những trọng tâm ưu tiên của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Không phải ngẫu nhiên mà Liên Hợp Quốc đã chọn “Trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái toàn cầu” là một trong 17 mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu; ngoài ra, các mục tiêu còn lại đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến bình đẳng giới. Ở Việt Nam, trao quyền cho phụ nữ trên mọi lĩnh vực sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình đạt được các mục tiêu phát triển bền vững xã hội. Vậy, cần phải hiểu và vận dụng các quan điểm nữ quyền, các lý thuyết Giới một cách phù hợp, kết hợp với công tác đánh giá từ thực tiễn thực hiện bình đẳng giới để việc vận dụng các vấn đề lý luận về bình đẳng giới có thể đóng góp tốt

nhất cho sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới, mang lại lợi ích nhiều nhất cho các cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Trao quyền cho phụ nữ ở Việt Nam hiện nay đã đạt được những kết quả bước đầu, song vẫn còn nhiều hạn chế. Điều này sẽ ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Điều này đòi hỏi có sự chỉ đạo quyết liệt từ các cấp lãnh đạo trong hoạch định chủ trương, chính sách về tăng quyền năng cho nữ giới, sự thay đổi nhận thức và định kiến xã hội, cũng như sự nỗ lực vươn lên của bản thân phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và ra quyết định. Qua đó sẽ góp phần tăng cao tiếng nói và quyền quyết định cho phụ nữ, góp phần giải quyết những hạn chế vẫn tồn tại trong định hướng phát triển bền vững xã hội ở Việt Nam hiện nay.

## Tài liệu tham khảo

- Kellerman, B. & Rhode, D. (2009). *Phụ nữ và quyền lãnh đạo*. Đồng Nai: Nxb Tổng hợp.
- Phạm Thị Thanh Bình (2019). *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển đến năm 2030*. Lấy từ: <http://tapchinganhang.gov.vn/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huong-phat-trien-den-nam-2030.htm>
- Hoàng Đình Cúc (2009). *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Lấy từ: <http://philosophy.vass.gov.vn/nghi-quyet-dang/Phat-trien-ben-vung-o-Viet-Nam-Mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-78.0.html>
- Bùi Thế Cường (2012). *Phụ nữ Việt Nam trong kỷ nguyên biến đổi xã hội nhanh*. Hà Nội: Nxb Từ điển Bách khoa.
- Chính phủ (2020). *Báo cáo Số 362/BC-CP về Việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011-2020*, ngày 10/8/2020. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2018). *Chi thị số 21-CT/TW, về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới*. Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tập 1*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia sự thật.
- Lương Thu Hiền (2018). Tầm quan trọng của lãnh đạo nữ nhìn từ các lý luận hiện đại. *Tạp chí Lý luận chính trị* (3), tr. 60-66. Hà Nội.
- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2017). *Văn kiện đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ.
- Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam & Tạp chí Cộng sản (2017). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Những vấn đề lý luận về công tác phụ nữ Việt Nam trong tình hình mới*. Hà Nội.
- Võ Thị Mai (2013). *Đánh giá chính sách bình đẳng giới dựa trên bằng chứng*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
- Quốc hội nước CHXHCNVN (2006). *Luật Bình đẳng giới*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia sự thật.
- Lê Thị Quý (2020). Trao quyền cho phụ nữ để thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam. Lấy từ: <https://tcnn.vn/news/detail/48988/Trao-quyen-cho-phu-nu-de-thuc-hien-binh-dang-gioi-o-Viet-Nam.html>
- Đỗ Thị Thạch (2016). Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: *Vai trò, vị thế của nữ trí thức Việt Nam trong phát triển bền vững*. Đề tài khoa học công nghệ cấp quốc gia. ĐTXH.G.09/1. Hà Nội.
- Trần Thị Minh Thi (2018). Rào cản thể chế và văn hóa đối với sự tham gia chính trị của phụ nữ ở Việt Nam. Lấy từ: [https://vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/KhoaHocCongNghe/View\\_Detail.aspx?ItemID=55](https://vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/KhoaHocCongNghe/View_Detail.aspx?ItemID=55)
- UN Women (2016). *Phụ nữ và các mục tiêu phát triển bền vững - Việt Nam hướng tới bình đẳng giới năm 2030*. Hà Nội.
- UN Women & UN Global Compact (2014). *Những nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ - Bình đẳng là thịnh vượng*. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.
- UNRISD (2005). *Gender equality: striving for justice in an unequal world*, Geneva.
- WEF (2021). *Global Gender Gap Report 2021*. Geneva Switzerland. Lấy từ: [http://www3.weforum.org/docs/WEF\\_GGGR\\_2021.pdf](http://www3.weforum.org/docs/WEF_GGGR_2021.pdf).